TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HN-ST
Ngày: 01-10-2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Bình
2. Ông Huỳnh Văn Lai

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim Ng, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn D, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: ấp An Hòa, xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị Ng có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Trần Thị Kim Ng trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn D do quen biết nhưng tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Thới cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2006. Thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc nhưng về sau do bất đồng quan điểm nên cả hai không còn sống chung từ tháng 4/2010 cho đến nay. Trong thời gian này, vợ chồng cũng không có gặp gỡ, không có ý muốn sống chung. Xét thấy khả năng đoàn tụ là không có nên chị xin ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Dương Thị Diễm H, sinh ngày 01/10/2004, khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn là anh Dương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim Ng; con chung: Dương Thị Diễm H, sinh ngày 01/10/2004, khi ly hôn giao con cho chị Ng trực tiếp nuôi, chị Ng không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị ghi nhận.Tài sản chung chị Ng không yêu cầu đề nghị không giải quyết. Nợ chung chị Ng trình bày không có đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Kim Ng, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*; Trong đó xác định chị Trần Thị Kim Ng là nguyên đơn, anh Dương Văn D là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Dương Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có đơn xin vắng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim Ng, thấy rằng:

Do trong quá trình sống chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không có hướng khắc phục, đã không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay, chị Ng cho rằng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên xin ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Địa phương không tiếp nhận bất kỳ thông tin và cũng không thấy chị Ng, anh D gởi đơn đề nghị hòa giải. Qua thông tin biết được, anh D và chị Ng có một con chung là cháu Hằng hiện nay đang sống với mẹ và ông nội của cháu. Anh D và chị Ng không còn sống chung một thời gian dài (05 – 06 năm). Hiện anh D đi làm nhưng không rõ địa chỉ cụ thể.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên xét thấy mâu

thuẫn giữa chị Ng và anh D thực tế đã diễn ra và đã đến mức trầm trọng, cả hai không còn sống chung một thời gian dài nhưng không có ý muốn đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm, dẫn đến việc chị Ng xin ly hôn. Xét việc hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Dương Thị Diễm H, sinh ngày 01/10/2004, khi ly hôn chị Ng xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Khi được hỏi ý kiến, cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Thấy rằng hiện nay anh D bận đi làm, cháu Hằng đang sống chung với mẹ và ông nội nên để chị Ng trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị Ng không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ. Điều này phù hợp với Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Ng không yêu cầu, anh D vắng mặt không có lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Ng trình bày không có, anh D vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự đối với yêu cầu xin ly hôn, chị Ng chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim Ng.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Trần Thị Kim Ng được ly hôn với anh Dương Văn D.

2. Về con chung: Dương Thị Diễm H, sinh ngày 01/10/2004. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Kim Ng trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị Ng không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Ng không yêu cầu, anh D vắng mặt không có lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Ng trình bày không có, anh D vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch (đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) chị Trần Thị Kim Ng phải chịu nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018825 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đỗ Thúy Hằng